

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG

VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT (1945-1952)

TS LÝ VIỆT QUANG*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trong điều kiện vừa phải lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược, vừa phải tổ chức thực hiện những nhiệm vụ dân chủ của chính quyền cách mạng, Đảng đã đề ra chính sách ruộng đất nhằm mang lại lợi ích cho nông dân, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp kháng chiến nhanh thắng lợi, kiến quốc chóng thành công.

Nghiên cứu quá trình thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng thời kỳ này góp phần làm sáng tỏ một bài học quý của cách mạng Việt Nam là khi nhiệm vụ giải phóng dân tộc chưa hoàn thành thì việc thực hiện nhiệm vụ giai cấp phải không ảnh hưởng bất lợi tới việc thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phải nhằm phục vụ nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

1. Chủ trương của Đảng về ruộng đất từ năm 1945 đến 1952, xuất phát trước hết từ sự phân tích sâu sắc thực trạng quan hệ ruộng đất ở nông thôn Việt Nam tính đến năm 1945 và nguyện vọng của đại đa số nông dân về ruộng đất.

Sau khi xâm chiếm nước ta, nhằm thực hiện âm mưu “dùng người Việt trị người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, thực dân Pháp tiếp tục duy trì, dung dưỡng giai cấp địa chủ phong kiến và cơ sở kinh tế của giai cấp này là

chế độ chiếm hữu phong kiến về ruộng đất, trong khi phương thức sản xuất phong kiến đã trở nên lạc hậu, lỗi thời. Bằng nhiều cách thức hoặc là trắng trợn cướp đoạt, hoặc là lợi dụng những khó khăn, rủi ro của nông dân, địa chủ phong kiến chiếm đoạt ngày một nhiều ruộng đất ở nông thôn. Theo số liệu ước tính, trên một nửa số hộ làm nghề nông (trên 2 triệu hộ trong tổng số 4 triệu hộ) hoàn toàn không có ruộng cày. Trong số gần một nửa (1.874.880 hộ) còn lại là chủ ruộng thì có tới 94,8% số hộ (1.776.200 hộ) chỉ chiếm có 28,5% tổng số ruộng đất (1.225.000 ha/4.300.000 ha), trong

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

khi đó chỉ có 5,2% số hộ (98.680 hộ) chiếm tới 59,6% (2.565.000 ha) tổng số ruộng và cũng không chế luôn phần lớn số ruộng công và nửa công¹. Riêng ở 3.653 xã Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, giai cấp địa chủ tuy chỉ chiếm 3,2% nhân khẩu, nhưng lại chiếm hữu tới 24,5% ruộng đất. Bình quân một nhân khẩu địa chủ chiếm hữu số ruộng đất gấp 8 lần một nhân khẩu trung nông, 24 lần một nhân khẩu bản nông và 81 lần một nhân khẩu cố nông. Tuy vậy, nếu tính theo giá trị ruộng đất thì tỷ lệ trên sẽ còn lớn hơn rất nhiều, vì ruộng đất của địa chủ thường là ruộng tốt, ruộng gần, trong khi ruộng của nông dân thường là ruộng xấu, ruộng xa. Đồng thời, giai cấp địa chủ dùng mọi thủ đoạn để không chế phần lớn số ruộng công và nửa công. Do vậy, diện tích ruộng đất ở nông thôn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ bị địa chủ chi phối lên tới gần 50% và tỷ lệ chiếm hữu ruộng đất bình quân của một nhân khẩu địa chủ cũng lớn hơn rất nhiều lần so với trung nông, bản nông và cố nông².

Do nắm giữ một diện tích lớn ruộng đất nên giai cấp địa chủ thực sự là kẻ thống trị, chi phối đời sống ở nông thôn và bóc lột đại đa số nông dân bằng địa tô, cho vay nặng lãi. Riêng về mức địa tô “thường chiếm ít nhất một nửa tổng giá trị hoa lợi thu hoạch”³. “Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tá điền phải trả địa tô theo lệ hai cây ăn một, nghĩa là một mẫu lúa được 40 gánh thì tá điền chỉ được 20 gánh, còn 20 gánh là của địa chủ”⁴. Ngoài khoản địa tô chính này, tá điền còn phải nộp cho địa chủ những khoản khác được gọi chung là địa tô phụ, như tiền khát canh, tiền trình gặt⁵, lễ lạt,

phục dịch không công gia đình địa chủ những khi có giỗ chạp, lễ tết...

Do tình hình trên, trong xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc, bên cạnh mâu thuẫn bao trùm là toàn thể dân tộc - trong đó nông dân chiếm tuyệt đại đa số - với thực dân Pháp và tay sai, còn có mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ. Nguyên vọng của nông dân Việt Nam lúc này là đất nước được độc lập, bản thân thoát khỏi kiếp ngựa trâu và được chia ruộng đất, trở thành người chủ ruộng đồng. Đây cũng chính là nhiệm vụ phản đế và phản phong mà cuộc cách mạng phải giải quyết.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc các mâu thuẫn trong xã hội và nguyện vọng của đại đa số người dân Việt Nam, ngay khi mới thành lập, trong *Cương lĩnh đầu tiên*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁶, trong đó tinh thần cơ bản là đặt lên trên hết và trước hết nhiệm vụ phản đế để giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ phản phong có quan hệ mật thiết với nhiệm vụ phản đế nhưng việc thực hiện phải nhằm phục vụ nhiệm vụ phản đế.

Trong cao trào vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945, nhằm tập trung cao nhất mọi lực lượng thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh nhấn mạnh “cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải

quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”⁷. Từ đó, Đảng chủ trương chỉ tịch ký và quốc hữu hoá đất ruộng của đế quốc thực dân và bọn phản bội dân tộc, lấy đất bọn phản bội, đất công điền, đất bỏ hoang chia cho quần chúng nông dân (trước hết là bản nông và cổ nông) cày cấy, chống bọn ăn cướp đất, chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi⁸..., mà không nêu ra khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày⁹. Điều này đã góp phần đưa đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong những năm 1945-1952, Đảng đã lãnh đạo thực thi trên toàn quốc chính sách ruộng đất vừa có tác dụng khuyến khích, bồi dưỡng nông dân, vừa có tác dụng phân hoá giai cấp địa chủ, giữ gìn và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất, phù hợp với thực tiễn cách mạng khi đó. Thực chất của chính sách ruộng đất này là *cải cách dần dần chế độ ruộng đất*.

Chủ trương cải cách dần dần chính sách ruộng đất của Đảng trong những năm 1945-1952 còn là *sự kế thừa, tiếp nối đường lối chiến lược, sách lược đã được nêu trong “Chánh cương vắn tắt của Đảng” và “Sách lược vắn tắt của Đảng”* - do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh soạn thảo và *các chủ trương đúng đắn của Đảng về giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa nhiệm vụ phân đế và phân phong trong những năm trước Cách mạng tháng Tám*.

Mặt khác, chủ trương cải cách dần dần chính sách ruộng đất của Đảng còn *xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đất nước sau khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi*. Cách mạng tháng Tám thành công tạo điều kiện thuận lợi để

thực hiện “người cày có ruộng”. Nhưng ngay sau đó thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Nhiệm vụ cách mạng đặt ra lúc này là phải “*lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*”¹⁰, tập trung mũi nhọn vào bọn xâm lược và tay sai. Muốn vậy, phải tranh thủ đến mức cao nhất các lực lượng, tầng lớp còn ít nhiều tinh thần yêu nước, trong đó có một bộ phận khá đông giai cấp địa chủ. Do đó, việc mang lại ruộng đất cho nông dân chưa thể thực hiện một cách triệt để ngay, nhưng phải được thực hiện ở một mức độ nhất định để động viên, khích lệ nông dân - những người đóng góp nhiều nhất cả về sức người và sức của cho kháng chiến.

2. Trong hai năm đầu của chính quyền cách mạng do phải đối phó với tình trạng thù trong, giặc ngoài, Trung ương Đảng chưa có điều kiện trực tiếp đề cập đến vấn đề ruộng đất. Tuy nhiên, tinh thần thực hiện cải cách dần dần chế độ ruộng đất đã được thể hiện trong thực tế. Điển hình là việc tạm cấp ruộng đất của đế quốc, Việt gian cho dân cày nghèo và chia lại ruộng công theo nguyên tắc dân chủ đã được thực hiện ở nhiều nơi. Ngày 26-10-1945, Chính phủ ban hành Nghị định giảm 20% thuế điền và miễn thuế cho những vùng bị ngập lụt. Ngày 16-11-1945, Chính phủ ra Thông tư về việc tạm chia ruộng đất công cho dân cày nghèo theo nguyên tắc dân chủ¹¹. Ngày 20-11-1945, Chính phủ ra Thông tư quy định các điền chủ giảm tô 25%, bỏ những địa tô phụ¹².

Từ Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng tháng 1-1948, chủ trương cải cách dần dần chính sách ruộng đất chính thức được đề ra. Điều này

thể hiện qua việc Hội nghị quyết định thi hành *Chính sách ruộng đất* gồm 17 điểm, trong đó có những điểm quan trọng như: triệt để thực hiện giảm địa tô 25%, bãi trừ địa tô phụ, xóa bỏ chính sách quá điền, tạm cấp ruộng đất và tài sản của bọn phản quốc cho dân cày nghèo, chia lại công điền cho hợp lý và công bằng hơn, đem ruộng đất đồn điền của địch chia cho dân cày nghèo...¹³. Có thể nói, về thực chất đây chính là *nội dung cốt lõi của chủ trương cải cách dần dần chính sách ruộng đất*.

Tinh thần cải cách dần dần trên tiếp tục được khẳng định và bổ sung tại Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 4 (miền Bắc Đông Dương) năm 1948. Điểm chú ý tại Hội nghị là quyết định về vấn đề ruộng đất và tài sản của Việt gian và Pháp: việc tịch thu ruộng đất và tài sản của Việt gian phải đưa ra toà án tuyên án rõ ràng; ruộng đất của Việt gian bị tịch thu khi khởi nghĩa giao lại chính quyền; những ruộng mà trước kia các điền chủ Pháp cướp không của dân, nếu có bằng cứ rõ ràng thì trả lại cho dân; thành lập ở mỗi đồn điền một Ban Quản trị (gồm một đại biểu hành chính huyện hoặc tỉnh, một đại biểu Bộ Canh nông, ba đại biểu tá điền) để thực hiện nhiệm vụ phân phối ruộng cho dân, giúp đỡ kế hoạch cho dân cày cấy¹⁴.

Đặc biệt, tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 5 (tháng 8-1948), Trung ương Đảng chính thức nêu rõ: "... phải dùng phương pháp cải cách mà dần dần thu hẹp phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bản xứ lại (ví dụ: giảm tô), đồng thời sửa đổi chế độ ruộng đất (*trong phạm vi không có hại cho Mặt trận thống nhất*

chống thực dân Pháp xâm lược)"¹⁵. Trung ương Đảng chỉ ra rằng "đây cũng là một cách ta thực hiện cách mạng thổ địa bằng một đường lối riêng biệt"¹⁶.

Hội nghị cũng xác định chủ trương cải cách dần dần chế độ ruộng đất gồm những nội dung chủ yếu như: chủ ruộng không có quyền đuổi tá điền; địa tô phải giảm 25% căn cứ vào địa tô trước Cách mạng tháng Tám; bỏ những thứ địa tô phụ thuộc; bỏ chế độ quá điền; đem một phần ruộng đất và đồn điền của Pháp tạm cấp cho dân cày nghèo; tịch thu ruộng đất và tài sản của bọn phản quốc cấp cho dân cày nghèo; khuyến khích việc hiến điền; quân cấp công điền cho công bằng hơn¹⁷.

Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 (tháng 1-1949) tiếp tục khẳng định chính sách cải cách dần dần chế độ ruộng đất trước đó, khi nêu nhiệm vụ: "Triệt để thi hành chính sách ruộng đất của Đảng đã quyết nghị trong Hội nghị cán bộ lần thứ năm, đặc biệt nhất là việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày, giảm địa tô chính, bỏ địa tô phụ, gây phong trào hiến ruộng"¹⁸.

Tại Hội nghị điều tra nông thôn tháng 2-1950, giải thích về chính sách ruộng đất của Đảng, thay mặt Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường - Chinh đã nêu "*Phương châm* của chính sách ruộng đất của Đảng ta là cải cách lần lần, nhiều cuộc cải cách ruộng đất tiếp tục cộng lại thành một cuộc cách mạng ruộng đất"¹⁹. Phương châm này tiếp tục được Tổng Bí thư Trường - Chinh nhắc lại tại phiên họp của Ban Kinh tế Trung ương mở rộng tháng 7-1950: "Mục đích của chính sách cải cách

ruộng đất là thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”. Để thực hiện khẩu hiệu đó, chủ trương của Đảng ta là cải cách dần dần. Nhiều cuộc cải cách ruộng đất liên tiếp cộng lại thành một cuộc cách mạng ruộng đất”²⁰.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951) xác định một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam thời gian tới là “Cải cách ruộng đất từng bước một, bắt đầu từ bước giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và của Việt gian cho dân cày nghèo, và xoá bỏ lần lần di tích bóc lột cũ và thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”²¹....

Thực hiện chủ trương của Đảng, tiếp theo các nghị định về giảm thuế điền, thông tư chia lại ruộng công, thông tư giảm tô năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, ngày 14-7-1949, Chính phủ ra Sắc lệnh số 78-SL quy định chủ ruộng phải giảm tô 25% so với mức trước Cách mạng tháng Tám, xoá bỏ địa tô phụ và chế độ quá điền. Cũng trong tháng 7-1949, Chính phủ ban hành sắc lệnh chính thức quy định tạm cấp ruộng đất của Việt gian và Thông tư quy định chia ruộng đất của thực dân Pháp cho nông dân. Tiếp đó tháng 5-1950, Chính phủ ra ba sắc lệnh quy định việc lĩnh canh ruộng đất, quy định việc giảm tức và quy định tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho nông dân nghèo cày cấy. Những chính sách trên là những đòn đánh mạnh vào chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến. Cùng với đó, việc Chính phủ ra sắc lệnh quy định thi hành thuế nông nghiệp vào tháng 5-1951 với biểu thuế lũy tiến: bản nông đóng góp 6-10%

thu hoạch, trung nông đóng góp 15-20% thu hoạch, địa chủ đóng góp 30-45% thu hoạch, đã có tác động mạnh mẽ đến việc chiếm hữu ruộng đất của địa chủ. Tiếp theo, tháng 3-1952, Chính phủ ra Sắc lệnh ban hành *Điều lệ tạm thời về việc sử dụng công điền, công thổ* nhằm bảo đảm chia cấp ruộng đất công một cách công bằng, có lợi hơn cho người nghèo. Đồng thời, xuất phát từ thực tế một bộ phận trong giai cấp địa chủ ít nhiều còn có tinh thần yêu nước, thương nòi, các cuộc vận động hiến ruộng đã được tiến hành ở nhiều địa phương. Tiêu biểu nhất là ở Nam Bộ, phong trào hiến ruộng đã phát triển sôi nổi và thu được kết quả quan trọng.

Chủ trương của Đảng về cải cách dần dần chính sách ruộng đất đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong thực tế. Trong nông thôn nước ta, chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến và thực dân đã bị thu hẹp từng bước. Tính chung từ Cách mạng tháng Tám đến đầu năm 1953 đã có tới 58,36% tổng số ruộng đất thực dân, địa chủ và ruộng công, nửa công được chuyển qua tay nông dân²². Qua thống kê ở 3.653 xã Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, số ruộng đất thực dân, địa chủ, nhà chung và ruộng công, nửa công trước Cách mạng tháng Tám chiếm 52% tổng số ruộng đất thì đến trước khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, tức là đầu năm 1953, chỉ còn 23,6%²³. Đây là một thành tựu rất lớn của Đảng trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phản phong. Do những cải cách dần dần của Đảng và Chính phủ, thế lực của giai cấp địa chủ ngày càng bị suy yếu. Phần lớn những

ruộng đất để quốc và Việt gian chiếm hữu bị tịch thu. Một số ruộng của địa chủ bỏ hoang bị trưng thu. Rất nhiều địa chủ nhận thấy xu thế chế độ chiếm hữu phong kiến về ruộng đất sẽ bị thù tiêu nên đã thực hiện hiến ruộng hoặc đem bán, cho... Việc bóc lột tô, tức cũng bị chính sách giảm tô, giảm tức và chính sách thuế nông nghiệp hạn chế mạnh, không còn mặc sức hoành hành như thời trước nữa. Đặc biệt, do sự chuyển dịch một số lượng lớn ruộng đất từ đế quốc, Việt gian và địa chủ sang nông dân nên số lượng cố nông giảm đi, xu hướng trung nông hoá đã bắt đầu xuất hiện. Tài liệu thống kê ở 93 xã và 31 thôn thuộc 16 tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cho thấy, tỷ lệ số hộ cố nông trong tổng số nông hộ giảm từ 20,6% (năm 1945) xuống 14,4% (đầu năm 1953), trong khi đó tỷ lệ số hộ trung nông đã tăng từ 32,9% lên 33,6%. Trong thực tế, do việc vạch thành phần tính theo mốc năm 1949, nên đến năm 1953 tỷ lệ số hộ trung nông còn cao hơn và theo ước tính lên đến khoảng 45%²⁴. Cũng như vậy, số hộ cố nông trong thực tế chắc chắn còn giảm mạnh hơn.

Tại Hội nghị Trung ương tháng 1-1953, Đảng đã quyết định điều chỉnh chính sách ruộng đất. Thay cho chủ trương cải cách dần dần chế độ ruộng đất, Trung ương quyết định tổ chức các đợt phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến tới thực hiện các đợt cải cách ruộng đất, với mong muốn nhanh chóng xoá bỏ chế độ bóc lột của địa chủ, hoàn thành thực hiện “người cày có ruộng”. Cũng từ đây, việc giải quyết vấn đề ruộng đất bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn của những đợt phát

động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

1, 2, 22, 24. Hoàng Ước - Trần Phương: *Cách mạng ruộng đất ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H, 1968, tr.12, 13-14, 72, 82

3. Viện Kinh tế: *Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954)*, NXB Khoa học, H, 1966, tr. 132

4. Trường - Chinh và Võ Nguyên Giáp: *Vấn đề dân cày* (xuất bản lần thứ hai), ST, H, 1959, tr.43

5. Khi nhận ruộng của địa chủ, tá điền phải nộp tiền khất canh, khi lúa chín, muốn gặt, phải nộp tiền trình gặt

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.2. tr.2

7, 9. Xem: *Sđđ*, T. 7, tr.119, 120

8. Xem: *Sđđ*, T. 6, tr.542 - 555

10. *Sđđ*, T. 8, tr.26

11. Xem: Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-2005*, NXB Văn hoá thông tin, H, 2006, T.1, tr. 80-103

12. Dẫn theo Lâm Quang Huyền: *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H, 2007, tr. 356

13, 14, 15, 16, 17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T. 9, tr.31-32, 100-101, 199, 199, 223-224

18. *Sđđ*, T. 10, tr.57

19, 20. *Sđđ*, T. 11, tr.233. 601

21. *Sđđ*, T. 12, tr.107

23. Tổng cục Thống kê: *Ba mươi năm trước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, ST, H, 1978, tr. 94.